

Số: /QĐ-BĐDHĐQT

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2021
của Phòng giao dịch NHCSXH thị xã An Nhơn

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH;

Căn cứ Công văn số 2605/QĐ-NHCS ngày 12/3/2021 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 456/TTr-NHCSBD ngày 15/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2021 của Phòng giao dịch NHCSXH thị xã An Nhơn theo danh mục đính kèm.

Điều 2. Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH thị xã An Nhơn báo cáo UBND thị xã, trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thị xã phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2021 được giao tại Quyết định này theo đúng quy định cho các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thị xã An Nhơn, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh Lâm Hải Giang;
- Các TV BĐDHĐQT NHCSXH tỉnh;
- UBND thị xã An Nhơn;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K20.

TM. BDD HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lâm Hải Giang

**DANH MỤC GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2021
CỦA NHCSXH THỊ XÃ AN NHƠN**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐDHĐQT ngày tháng 3 năm 2021
của Trưởng BĐDHĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

| Số TT | Chỉ tiêu | Thực hiện dư nợ năm 2020 | Chỉ tiêu tăng trưởng kế hoạch tín dụng năm 2021 | Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 |
|-----------|---|--------------------------|---|----------------------------|
| I | Kế hoạch nguồn vốn | 51.397 | +9.000 | 60.397 |
| II | Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương | 252.016 | +27.500 | 279.516 |
| 1 | Hộ nghèo (NĐ 78/2002/NĐ-CP) | 46.334 | +1.000 | 47.334 |
| 2 | Hộ cận nghèo (QĐ 15/2013/QĐ-TTg) | 76.066 | +4.000 | 80.066 |
| 3 | Hộ mới thoát nghèo (QĐ 28/2015/QĐ-TTg) | 49.967 | +6.000 | 55.967 |
| 4 | Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (QĐ 62/2004/QĐ-TTg) | 65.363 | +7.000 | 72.363 |
| 5 | Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động | 7.500 | +9.000 | 16.500 |
| 6 | Cho vay nhà ở xã hội (NĐ 100/2015/NĐ-CP) | 3.120 | +1.000 | 4.120 |
| 7 | Cho vay phát triển ngành lâm nghiệp (FSDP) | 3.666 | -500 | 3.166 |

Ghi chú:

- Chỉ tiêu kế hoạch nguồn vốn bao gồm chỉ tiêu nhận tiền gửi từ tổ viên Tổ TK&VV và huy động từ tổ chức, cá nhân trên thị trường.
- Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương đã bao gồm chỉ tiêu thực hiện theo Công văn số 01/NHCS-KHNV ngày 02/01/2020 của Tổng Giám đốc NHCSXH.
- Các chương trình tín dụng khác thực hiện theo Công văn số 01/NHCS-KHNV ngày 04/01/2021 của Tổng Giám đốc NHCSXH.